

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

**Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi**

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

Hà Nội – Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

Trang

STT

NỘI DUNG

- |    |   |        |
|----|---|--------|
| 1. | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                     | 1 - 2  |
| 2. | BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 - 4  |
| 3. | BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH                   | 5 - 11 |

CHỖ  
CC  
KIỂM  
KẾ  
TỔNG

*[Handwritten signature]*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 tháng 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

✓  
12/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

*Các thành viên Hội đồng quản trị:*

Ông Shim Geepeel	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Jin Woo Hyun	Ủy viên
Ông Jung Yoan	Ủy viên

*Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:*

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2017 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2017 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017.



**VŨ ĐỨC NGHĨA**

**Tổng Giám đốc**

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

*Handwritten signature*



Số: 246 /BCKT/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV tại ngày 30/06/2017

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV được lập ngày 01 tháng 08 năm 2017 được trình bày từ trang 05 đến trang 11 đính kèm.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán”, Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính” của Bộ tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán”, Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính” của Bộ tài chính.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Woori tại thời điểm ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam và tại Báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tinh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0132-2013-016-1

3  
G  
PH  
31  
R  
EM



*Handwritten mark*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori  
CBV  
Số:  
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2017

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Bộ phận KSNB

ĐINH NGỌC BẰNG

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2017

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn</b>	-	-	-
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ	0		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	0		
6	Quỹ dự phòng tài chính	113.649.448		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	113.649.448		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(6.399.222.415)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		61.632.302	2.285.236
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>		<b>128.768.729.415</b>	
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		0	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		102.162.725	
2	Trả trước cho người bán		15.932.365.736	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			

11/11/2017



✓

*Handwritten signature*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính**

	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.952.407.911	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		123.230.771	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		0	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		433.727.006	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		2.072.969.927	
4	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		81.648.595	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>22.698.512.671</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	

2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		37.426.579.533	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		0	
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con		0	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		85.500.000	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		0	
4	Đầu tư dài hạn khác		18.024.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		652.461.907	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		0	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>56.188.541.440</b>	
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>		<b>49.881.675.304</b>	

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Đơn vị tính: VND

**A RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

	Các danh mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		<b>49.528.688.933</b>	<b>0</b>
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	0%	49.528.688.933	0
2	Các khoản tương đương tiền	0%	0	0
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	0	0
<b>II</b>	<b>Trái phiếu chính phủ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ thuộc các nước OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc NHTW của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	5%	0	0
2	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh được niêm yết	8%	0	0
<b>III</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	0	0
2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	0	0
3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	0	0

*Handwritten signatures and marks in blue ink.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính**

4	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	0	0
5	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	0	0
6	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	0	0
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu</b>		<b>807.952.020</b>	<b>81.084.077</b>
1	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HSX; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	802.226.220	80.222.622
2	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HNX	15%	5.674.100	851.115
3	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCoM	20%	51.700	10.340
4	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	0	0
5	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	0	0
<b>V</b>	<b>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	Quỹ đại chúng	10%	0	0
2	Quỹ thành viên	30%	0	0
<b>VI</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	0	0
2	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	0	0
<b>VII</b>	<b>Chứng khoán khác</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1	Các loại chứng khoán khác	80%	0	0
2	Chứng khoán bảo lãnh phát hành	80%	0	0
<b>VIII</b>	<b>Rủi ro tăng thêm</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>		<b>50.336.640.953</b>	<b>81.084.077</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính

**B RỦI RO THANH TOÁN**

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I</b>	<b>Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							
1	Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo					0		0
2	Cho vay chứng khoán							0
3	Vay chứng khoán							0
4	Hợp đồng mua bán lại (Repo)							0
5	Hợp đồng bán mua lại (Reverse Repo)							0
6	Giao dịch ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)							0
<b>II</b>	<b>Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>			0				
	<b>Thời gian quá hạn</b>							
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%		0
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%		0
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%		0
4	Trên 60 ngày					100%		0
<b>III</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							
						10%		0
						20%		0
<b>B</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN</b>							<b>0</b>

  
 10

<b>C</b>	<b>RỦI RO HOẠT ĐỘNG</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>15.591.710.502</b>
<b>II</b>	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>7.796.679.112</b>
1	Chi phí khấu hao	12.011.960.764
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(55.152.241)
3	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(4.160.129.411)
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)</b>	<b>7.795.031.390</b>
<b>IV</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = III * 25%)</b>	<b>1.948.757.848</b>
<b>V</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>27.000.000.000</b>
<b>C</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{III,IV})</b>	<b>27.000.000.000</b>
<b>D</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>	<b>27.081.084.077</b>

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị RR/ vốn KD	Ghi chú ( nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	81.084.077	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	0	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	27.081.084.077	
5	Vốn khả dụng	49.881.675.304	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	<b>184,19%</b>	

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN ANH

Bộ phận KSNB



ĐINH NGỌC BẰNG

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA